

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 22/9/2017

V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Cẩm Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Chí Bền.

2. Ông Phan Ngọc Lợi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Đức – Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:**  
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2017/TLST - HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2017/QĐXX – ST, ngày 25 tháng 8 năm 2017. Giữa:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp TT, xã T, huyện T, tỉnh K; có mặt.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1992; địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện G, tỉnh K; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim C trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn vào năm 2013, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh K được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47/2013 vào ngày 16/5/2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 5/2014 thì phát sinh mâu thuẫn và chấm dứt quan hệ vợ chồng cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do

vợ chồng không còn hợp nhau, không thể chung sống hạnh phúc được nữa. Quá trình chung sống anh, chị có một đứa con chung tên Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh ngày 19/7/2013, con hiện đang chung sống với chị C. Tài sản và nợ chung: Không có. Nay chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho anh ly hôn với Anh B, được nuôi con chung và yêu cầu Anh B cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị C rút yêu cầu buộc Anh B phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh B đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập Anh B đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng Anh B vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Kim C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Văn B và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh B với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp X, xã T, huyện G, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Anh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt Anh B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị C và Anh B kết hôn vào năm 2013 và đã đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh K nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Xét thấy, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 5/2014, từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị C yêu cầu

được ly hôn với Anh B là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận.

Về con chung: Anh, chị có một đứa con chung tên Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh ngày 19/7/2013, cháu Đ đang sống chung với chị C. Xét thấy, từ khi mới sinh ra đời cho đến nay cháu Đ đã sống chung với chị C, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị C hiện nay cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Chị C có việc làm và có thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đ. Vì vậy, HĐXX căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị C. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy, việc chị C rút yêu cầu buộc Anh B phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của chị C.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí ly: Chị C phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

**1.** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

**2.** Về nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Thị Trúc Đ, sinh ngày 19/7/2013 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đình chỉ đối với yêu cầu buộc Anh B phải cấp dưỡng nuôi con của chị C.

**3. Về án phí:**

Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008050 ngày 06/7/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**Lê Cẩm Tú**